TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 152/2021/DS-PT Ngày 24 tháng 6 năm 2021 V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy GCNQSD đất.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Thi
Ông Trần Quốc Cường

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Phong, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà: Ông Trần Viết Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 99/2020/TLPT-DS ngày 28 tháng 12 năm 2020 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân tỉnh Kon Tum bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1443/2021/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn K (ông K đã chết ngày 02/01/2019).

Địa chỉ cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện N1, tỉnh Kon Tum; địa chỉ liên lạc: C16-12 Đường T, thành phố K1, tỉnh Kon Tum.

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn K:

1. Bà Lê Thị L; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện N1, tỉnh Kon Tum; địa chỉ liên lạc: Chị Nguyễn Thị P, C16-12 Đường T, thành phố K1, tỉnh Kon Tum.

2. Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1986; địa chỉ: C16-12 Đường T, thành phố K1, tỉnh Kon Tum.

3. Anh Nguyễn Văn P1, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn P2, huyện N1, tỉnh Kon Tum.

4. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn 2, xã K2, thành phố K1, tỉnh Kon Tum.

5. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện N2, tỉnh Hà Tĩnh.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn L1;

2. Ông Nguyễn Văn Q

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn P2, huyện N1, tỉnh Kon Tum.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện N1, tỉnh Kon Tum; địa chỉ: Đường L2, thị trấn P2, huyện N1, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện N1: Ông Trần Văn Nh, Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N1 (Giấy ủy quyền số 672/GUQ-UBND ngày 08/3/2021)

2. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum; địa chỉ: 06 đường N2, phường T2, thành phố K1, tỉnh Kon Tum.

3. Bà Y1;
4. Anh A1;
5. Chị Y2;
6. Anh A2;
7. Anh A3;
8. Chị Y3;
9. Anh A4;
10. Chị Y4

Cùng địa chỉ: Đường N3, Tổ dân phố 5, thị trấn P2, huyện N1, tỉnh Kon Tum.

11. Bà Y5; địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn P2, huyện N1, tỉnh Kon Tum.

12. Chị Trần Cao P3; địa chỉ: 70 Đống Đa, thành phố K1, tỉnh Kon Tum.

13. Bà Lê Thị H2; địa chỉ: 249 Đường N3, Tổ dân phố 5, thị trấn P2, huyện N1, tỉnh Kon Tum.

14. Bà Nguyễn Thị Lệ Th; địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn P2, huyện N1, tỉnh Kon Tum.

15. Ông Đinh Đình Th1;
16. Bà Lã Lê Xuân P3

Cùng địa chỉ: 393 Đường N3, Tổ dân phố 4, thị trấn P2, huyện N1, tỉnh Kon Tum.

17. Anh Y6;
18. Chị Y7;
19. Chị Y8;

20. Chị Y9;

21. Anh Y10

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn P2, huyện N1, tỉnh Kon Tum.

22. Đại diện Công ty TV TNHH và xây dựng HN Kon Tum: Ông Nguyễn Bá Tr, Giám đốc Công ty.

- Người làm chứng:

1. Ông Lê Công Đ1;

2. Bà Nguyễn Thị Thu H1

Cùng địa chỉ: Thôn 6, thị trấn P2, huyện N1, tỉnh Kon Tum.

- Người kháng cáo: Bà Lê Thị L (là nguyên đơn).

(Tại phiên tòa phúc thẩm: Người kháng cáo là bà Lê Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt; những người tham gia tố tụng khác đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2015; các Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn K và bà Lê Thị L trình bày:

Ngày 15/8/1998, ông Nguyễn Văn K và bà Lê Thị L nhận chuyển nhượng một lô đất có diện tích 2.316 m^2 (chiều dài mặt đường khoảng 60m - 70m; chiều ngang khoảng 30m - 40m) của vợ chồng ông A5 (A6), bà Y1 (Y11) tại thôn 2, thị trấn P2, huyện N1, tỉnh Kon Tum (nay là đường N3, tổ dân phố 5, thị trấn P2, huyện N1). Diện tích đất trên là một phần của thửa đất số 68, tờ bản đồ số 03, diện tích 5.316 m^2 đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện N1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất số G 164884, số vào sổ cấp GCN: 00106 QSDĐ/NH ngày 29/12/1995 cho hộ ông A5.

Khi chuyển nhượng, hai bên có lập hợp đồng bằng văn bản, được UBND thị trấn P2 chứng thực ngày 28/11/1998 và hai bên đã thực hiện xong hợp đồng: Ông A5, bà Y11 đã giao đất và GCNQSD đất đứng tên hộ ông A5 cho ông K, bà L; ông K, bà L đã thanh toán tiền và nhận đất quản lý, sử dụng nhưng ông K, bà L chưa sang tên trên GCNQSD đất.

Quá trình quản lý, sử dụng đất, ông K và bà L đã chuyển nhượng gần hết diện tích đất đã nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông A5, bà Y11; chỉ còn khoảng 250 m^2 (theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/9/2018 là 231,1 m^2), là phần diện tích đất trước đây có hố bom được vợ chồng bà san lấp năm 2000 nhưng chưa sử dụng. Diện tích đất này đã bị ông Nguyễn Văn L1 và ông Nguyễn Văn Q lấn chiếm để xây dựng nhà. Bà L đã yêu cầu UBND thị trấn P2 giải quyết, hòa giải nhưng ông L1 và ông Q vẫn cố tình chiếm đất, không trả lại cho gia đình bà.

Do đó, ngày 03/12/2015 vợ chồng ông Nguyễn Văn K và bà Lê Thị L khởi kiện vụ án, yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Văn L1 và ông Nguyễn

Văn Q phải tháo dỡ căn nhà và trả lại cho ông K, bà L diện tích 250 m^2 đất đã lấn chiếm có giá trị ước tính khoảng 200.000.000 đồng.

Trong quá trình tố tụng, bà L nhận thấy trong phần diện tích đất mà ông L1 và ông Q lấn chiếm, có phần diện tích đất đã được UBND huyện N1 cấp GCNQSD đất số AI 268140 cho ông Nguyễn Văn Q và GCNQSD đất số AK 501433 do cấp cho bà Trần Cao P3 Chi nên bà L có yêu cầu hủy 02 GCNQSD đất nêu trên. Tuy nhiên sau này, bà L được biết phần đất ông Q được cấp GCNQSD đất nêu trên đã chuyển nhượng lại cho nhiều người, hiện nay là ông Đinh Đình Th1 và bà Lã Lê Xuân P3 đang quản lý, sử dụng và được cấp GCNQSD đất nên bà L yêu cầu hủy GCNQSD đất số CK 455699, số vào sổ cấp GCN: CS00576 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum cấp ngày 30/11/2017 cho ông Đinh Đình Th1 và bà Lã Lê Xuân P3 đối với thửa đất số 104, tờ bản đồ số 27 tại đường N3, tổ dân phố 5, thị trấn P2, huyện N1, tỉnh Kon Tum.

2. Ý kiến của bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn L1 trình bày: Năm 1998, ông L1 có nhờ ông Nguyễn Ngọc Phú mua của ông A Gim thửa đất có chiều ngang 10 m, dài 130 m - 148 m. Năm 2001, ông có mua của ông A Gim 01 hố bom để san lấp, làm nhà. Việc chuyển nhượng hai bên chỉ có giấy viết tay, ông cũng chưa được cấp GCNQSD đất. Ông L1 cho rằng ông K, bà L kiện ông là không có cơ sở vì đất ông K, bà L đến sát hố bom; còn đất của ông ở giữa hố bom.

2.2. Ông Nguyễn Văn Q trình bày: Ông là anh ruột ông L1. Năm 1998 - 1999, ông và ông L1 mua của ông A Gim lô đất ngang 10 m kéo dài từ đường Trần Phú, sau đó hai ông chia nhau mỗi người 5 m. Năm 2001, ông có mua thêm của ông A Gim 2 m nữa thành ngang 7 m. Đất của ông L1 mua thì có hố bom giáp đất bà L. Việc chuyển nhượng đất giữa ông Q, ông L1 và ông A Gim có viết giấy tay; ông đã xây dựng nhà vào năm 2001 khi đất chưa có sổ đỏ. Sau đó, ông đã bán cho anh Trần Cao Bảo Việt; anh Việt làm sổ đỏ và bán lại cho chị Trần Cao P3 Chi.

3. Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Y1 (Y11) trình bày:

Năm 1998, vợ chồng bà có bán cho ông K, bà L diện tích 2.316 m^2 đất tại thôn 2, thị trấn P2, huyện N1, tỉnh Kon Tum. Lô đất có tứ cận: Phía Tây giáp đường; phía Đông giáp Ba K; phía Nam giáp Phạm Văn A; phía Bắc giáp đường. Chiều dài, rộng thửa đất thì bà không nhớ được; tại thời điểm đó đất của gia đình bà đã được UBND huyện N1 cấp sổ đỏ ngày 29/12/1995, nguồn gốc là đất nông nghiệp do gia đình bà khai hoang.

Khi chuyển nhượng, vợ chồng bà cùng thỏa thuận miệng với ông K, bà L, còn việc viết giấy tờ thì ông A5 và ông K, bà L viết với nhau; bà không tham gia ký giấy tờ nhưng bà vẫn biết và đồng ý. Giá tiền bán đất lúc đó là 6.000.000 đồng, tương đương khoảng 2 cây vàng.

Nay, bà L và ông K có tranh chấp với ông Q, ông L1 thì gia đình bà vẫn giữ nguyên việc bán đất cho bà L, ông K và không có ý kiến gì, không có tranh chấp

gì. Các con của bà cũng đều biết bà L, ông K kiện ông Q, ông L1 và đều không có ý kiến gì, không tranh chấp gì, không muốn tham gia vụ án.

3.2. Bà Lê Thị H2 trình bày:

Bà là vợ ông Nguyễn Văn L1, bà nhất trí với lời khai của ông L1. Bà và ông Nguyễn Văn L1 đã được TAND huyện N1 ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn ngày 25/9/2014 nhưng chưa giải quyết về tài sản chung của vợ chồng. Đất bà L đang tranh chấp với ông L1, ông Q có một phần diện tích là tài sản chung của bà và ông L1. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện đòi đất của bà L và ông K. Diện tích đất của bà và ông L1 chưa có sổ đỏ, đề nghị Tòa án giữ nguyên quyền sử dụng đất cho bà và ông L1. Còn ông K, bà L yêu cầu hủy sổ đỏ của ông Q, bà Lệ Th thì đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

3.3. Ý kiến của UBND huyện N1 và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum:

GCNQSD đất số AI 268140 do UBND huyện N1 cấp ngày 10/9/2007 cho ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị Lệ Th và GCNQSD đất số bìa CK 455699, số vào sổ cấp GCN: CS00576 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum cấp ngày 30/11/2017 cho ông Đinh Đình Th1 và bà Lã Lê Xuân P3 đối với thửa đất số 104, tờ bản đồ số 27 tại đường N3 (tổ dân phố 5, thị trấn P2) là đúng thẩm quyền, căn cứ và trình tự, thủ tục. Hồ sơ cấp 02 GCNQSD đất này không có liên quan đến đất của ông A5 và bà Lê Thị L nên không có cứ hủy các GCNQSD đất nêu trên.

3.4. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông A Gim (đã chết năm 2013) gồm có: Bà Y5, anh A Thiên, chị Y7, chị Y8, chị Y9 và anh A Gon từ chối tham gia tố tụng, từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án.

4. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã quyết định:

Áp dụng Điều 73 Luật Đất đai 1993; các Điều 100, 166, 167, 202, 203 Luật Đất đai 2013, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015;

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Lê Thị L và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn K về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn L1 và ông Nguyễn Văn Q phải trả lại diện tích 231,1 m^2 đất thuộc lô số 23, 28 và 30, tờ bản đồ số 27, đường N3, tổ dân phố 5, thị trấn P2, huyện N1, tỉnh Kon Tum.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Lê Thị L và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn K về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa CK 455699, số vào sổ cấp GCN: CS 00576 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum cấp ngày 30/11/2017 cho ông Đinh Đình Th1 và bà Lã Lê Xuân P3 đối với thửa đất số 104, tờ bản đồ số 27 tại đường N3 - tổ dân phố 5, thị trấn P2, huyện N1, tỉnh Kon Tum.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản; án phí dân sự sơ thẩm; phổ biến quyền

kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

5. Kháng cáo:

Ngày 06/10/2020, nguyên đơn là bà Lê Thị L có đơn kháng cáo với nội dung cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá toàn diện, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ; quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà là không đúng pháp luật. Do đó, bà L yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà.

6. Tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp phúc thẩm: Các Thẩm phán thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ và đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng là đúng quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ dẫn đến việc quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa có đủ cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự, của người đại diện hợp pháp của các đương sự, của những người tham gia tố tụng khác và ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 30/7/2020 thể hiện: Diện tích đất mà ông K, bà L tranh chấp với ông L1, ông Q không nằm trong vị trí, diện tích đất của ông A5 đã được UBND huyện N1 cấp GCNQSD đất số vào sổ 00106 QSDĐ/NH ngày 29/12/1995, chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn K và bà Lê Thị L ngày 15/8/1998.

[2] Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện "hố bom" trong diện tích đất của vợ chồng ông A5, bà Y11 chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn K, bà Lê Thị L nhưng đối chiếu với sơ đồ thửa đất của ông A5 tại GCNQSD đất cấp ngày 29/12/1995 và sơ đồ trích đo địa chính thửa đất ngày 30/7/2020 thì nằm ngoài diện tích đất của ông A5 đã được cấp GCNQSD đất.

[3] Người khởi kiện không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh quyền sử dụng phần diện tích đất có tranh chấp thuộc quyền sở hữu của mình.

[4] Với các lý do như đã phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị L và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu tại phiên tòa.

[5] Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết; có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân tỉnh Kon Tum.

1. Áp dụng Điều 73 Luật Đất đai 1993; các Điều 100, 166, 167, 202, 203 Luật Đất đai 2013, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015;

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Lê Thị L và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn K về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn L1 và ông Nguyễn Văn Q phải trả lại diện tích 231,1 m^2 đất thuộc lô số 23, 28 và 30, tờ bản đồ số 27, đường N3, tổ dân phố 5, thị trấn P2, huyện N1, tỉnh Kon Tum.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Lê Thị L và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn K về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa CK 455699, số vào sổ cấp GCN: CS 00576 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum cấp ngày 30/11/2017 cho ông Đinh Đình Th1 và bà Lã Lê Xuân P3 đối với thửa đất số 104, tờ bản đồ số 27 tại đường N3 - tổ dân phố 5, thị trấn P2, huyện N1, tỉnh Kon Tum.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 147; Điều 160, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Bà Lê Thị L phải chịu 600.000 đồng *(sáu trăm ngàn đồng)*. Ông Nguyễn Văn K đã nộp 5.000.000 *(năm triệu)* đồng tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số 0005865 ngày 07/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N1, tỉnh Kon Tum nên bà Lê Thị L và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn K được nhận lại 4.400.000 *(bốn triệu, bốn*

trăm ngàn) đồng.

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn - bà Lê Thị L và những người kế thừa quyền, lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn K phải chịu 27.000.000 đồng đối với 02 lần xem xét thẩm định và định giá tài sản, bà Lê Thị L đã nộp đủ.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Lê Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002297 ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 24/6/2021.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Điền

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Cục THADS tỉnh Kon Tum;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.